TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LM
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LM
TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trưởng

Ông Lê Văn Qui

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã LM *tham gia phiên tòa:* Bà Lưu Thị Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích H, sinh năm: 2000

Địa chỉ: Ấp A, xã XP, huyện LM, tỉnh Hậu Giang. (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Khu vực B, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu vực B, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. (có mặt).

3.2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp C, thị trấn VV, huyện LM, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3.3. Chị Lê Thị Như D, sinh năm 2000

Địa chỉ: Khu vực B, phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Bích H trình bày:

Chị và anh Th tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang vào 31/7/2020. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cải, anh Th không lo lắng cho vợ con nên đã ly thân từ tháng 7 năm 2021. Nay nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Trần Văn Th.

Về con chung: Chị H và anh Th có 01 con chung tên Trần Lê Khánh B1 (giới tính: nữ), sinh ngày 07/6/2020 hiện đang sống chung với chị H, sau khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Có vàng cưới là sợi dây cH 05 chỉ vàng 24k loại 95%, đã cho mẹ chồng là bà Nguyễn Thị Th1 mượn. Yêu cầu bà Th1 trả lại số vàng trên để chia hai tài sản chung với anh Th.

Về nợ chung: Quá trình chung sống chị H và anh Th có nợ bà Nguyễn Thị L 3.000.000 đồng và nợ bà Lê Thị Như D 3.000.000 đồng. Phần nợ này để các đương sự tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Văn Th trình bày: Anh Th thống nhất lời trình bày của chị H về ngày tháng năm đăng ký kết hôn. Cuộc sống hôn nhân giữa anh Th và chị H hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bận công việc nên anh Th dành ít thời gian quan tâm vợ nên vợ bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và đã ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Trước khi mở phiên tòa, anh Th không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ vì còn thương vợ. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Th thống nhất ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh Th và chị H có 01 con chung tên Trần Lê Khánh B1 (giới tính: nữ), sinh ngày 07/6/2020, hiện nay đang sống chung với chị H. Nếu

Tòa án giải quyết cho anh Th và chị H ly hôn thì anh Th thống nhất giao con cho chị H nuôi dưỡng. Tại phiên hòa giải ngày 17/01/2022 anh Th thống nhất cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Th không đồng ý cấp dưỡng mà lo theo khả năng.

Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải ngày 17/01/2022, anh Th thống nhất vợ chồng có 05 chỉ vàng 24k (sợi dây chuyền) vàng cưới, hiện nay mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Th1 đang quản lý (bà Th1 mượn của hai vợ chồng). Anh Th thống nhất chia đôi số vàng cưới là 05 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh Th không thống nhất chia số vàng này vì đây là số vàng trước đây mượn của bà Th1, sau khi cưới sẽ trả lại cho bà Th1.

Về nợ chung: Anh Th và chị H có nợ bà Nguyễn Thị L 3.000.000 đồng, nợ Lê Thị Như D 3.000.000 đồng. Phần nợ này để các đương sự tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th1 trình bày: Bà Th1 thừa nhận sau khi cưới khoảng 10 ngày thì Th và H có đưa cho bà giữ 05 chỉ vàng 24k, loại 95% (dây chuyền) là vàng cưới. Mục đích đưa vàng cho bà Th1 là H và Th có hứa bà Th1 sẽ cho 05 chỉ vàng trước khi cưới, sau đám cưới phải trả lại cho bà Th1. Hiện tại số vàng này bà Th1 đã trả nợ cho bà Đoàn Thị Nh (mẹ ruột bà Th1) nên bà Th1 không thống nhất trả lại số vàng này cho H và Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Như D trình bày: Ngày 29/6/2021, chị D có cho anh Th, chị H mượn 3.000.000 đồng để mua sữa, tả cho con. Trong vụ án này, chị D chưa yêu cầu anh Th, chị H trả nợ, để các đương sự tự thỏa thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L trình bày: Ngày 20/02/2021, chị L có cho anh Th, chị H mượn 3.000.000 đồng để làm ăn. Trong vụ án này, chị L chưa yêu cầu anh Th, chị H trả nợ, để các đương sự tự thỏa thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã LM, tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Th;

Về con chung: Chị Lê Thị Bích H được tiếp tục nuôi Trần Lê Khánh B1 (giới tính: nữ), sinh ngày 07/6/2020. Anh Trần Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng 745.000 đồng/tháng đến khi Trần Lê Khánh B1 đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/3/2022). Anh Trần Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung: Xác định 05 chỉ vàng 24k, loại 95% là tài sản chung của chị H và anh Th; chị H được chia 2,5 chỉ vàng 24k, loại 95%; anh Th được chia 2,5 chỉ vàng 24k, loại 95%; Buộc bà Nguyễn Thị Th1 có nghĩa vụ trả lại cho chị H 2,5 chỉ vàng 24k, loại 95%. Về nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên không xét; Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Như D, Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn Th và chị Lê Thị Bích H tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TA, thị xã LM, tỉnh Hậu Giang vào ngày 31/7/2020 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự cải, cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị H yêu cầu ly hôn, trước khi mở phiên tòa anh Th không đồng ý và mong muốn được đoàn tụ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, anh Th cũng thống nhất ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh Th.

[2.2] Về con chung:

[2.2.1] Anh Th, chị H có 01 con chung tên Trần Lê Khánh B1 (giới tính: nữ), sinh ngày 07/6/2020, hiện nay đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu nuôi con, xét thấy, hiện nay Khánh B1 chưa đủ 36 tháng tuổi, căn cứ vào khoản

3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Do đó, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với quy định nêu trên, đồng thời cũng phù hợp với ý kiến của anh Th cho rằng nếu Tòa án giải quyết cho anh Th và chị H ly hôn thì anh Th thống nhất giao con cho chị H nuôi dưỡng nên được Hội đồng xét xử thống nhất để chị H tiếp tục nuôi con chung.

[2.2.2] Chị H yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, theo biên bản hòa giải ngày 17/01/2022 anh Th cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, anh Th không thống nhất cấp dưỡng theo quy định mà lo theo khả năng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Do đó, việc anh Th không đồng ý cấp dưỡng nuôi con là không có căn cứ. Hội đồng xét xử buộc anh Th cấp dưỡng số tiền 745.000 đồng/tháng cho Khánh B1 đến khi Khánh B1 đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung:

[2.3.1] Theo biên bản hòa giải ngày 17/01/2022, anh Th và chị H cùng thống nhất, vợ chồng có 05 chỉ vàng 24k là tài sản chung của vợ chồng hiện do bà Th1 là mẹ ruột anh Th đang quản lý, anh Th và chị H đều có ý kiến thống nhất chia đôi số tài sản này. Bà Th1 cũng thừa nhận 05 chỉ vàng này là vàng cưới. Theo ý kiến trình bày của bà Th1 các bên có giao kết sau đám cưới phải trả lại số vàng này cho bà Th1. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Th thống nhất lời trình bày này của bà Th1. Tuy nhiên, lời trình bày này của bà Th1, anh Th không được chị H thừa nhận, lời khai của anh Th trong quá trình giải quyết vụ án không thống nhất, bà Th1, anh Th cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Thêm vào đó, tại phiên tòa sơ thẩm, bà Th1 và anh Th thống nhất số vàng nêu trên được trình lễ trước họ hàng theo phong tục cưới hỏi, tại thời điểm đó cũng không đề cập đến việc anh Th, chị H sẽ trả lại vàng sau khi cưới. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ vào Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định 05 chỉ vàng 24K, loại 95% là tài sản chung của chị H, anh Th. Chị H yêu cầu chia đôi số vàng này là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3.2] Bà Th1 đã quản lý số vàng này nên phải có nghĩa vụ giao trả lại cho anh Th, chị H. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, anh Th không yêu cầu bà Th1 trả lại số vàng được chia, đây là sự tự nguyện của anh Th nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ trả lại vàng của bà Th1 cho anh Th trong vụ án này. Hội đồng xét xử buộc bà Th1 phải trả lại 2,5 chỉ vàng 24K loại 95% cho chị H là có căn cứ.

[2.3.3] Việc bà Th1 cho rằng sau khi lấy 05 chỉ vàng này, bà Th1 đã trả nợ cho bà Đoàn Thị Nhành (mẹ ruột bà Th1), xét thấy đây là giao dịch khác không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự thống nhất có ý kiến, đối với khoản nợ chung mà anh Th, chị H nợ chị L và chị D các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu số tiền 150.000 đồng.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Về án phí chia tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu trên phần tài sản được chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33; Điều 55; Điều 57, Điều 58, Điều 59 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bích H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích H và anh Trần Văn Th cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

3. Về con chung: Chị Lê Thị Bích H được tiếp tục nuôi Trần Lê Khánh B1 (giới tính: nữ), sinh ngày 07/6/2020. Anh Trần Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Buộc anh Trần Văn Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Trần Lê Khánh B1 với mức cấp dưỡng mỗi tháng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn

đồng), cấp dưỡng hàng tháng đến khi Trần Lê Khánh B1 đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/3/2022).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Bích H và anh Trần Văn Th mỗi người được chia 2,5 chỉ (hai chỉ rưỡi) vàng 24K, loại 95%.

Buộc bà Nguyễn Thị Th1 có nghĩa vụ trả lại cho chị Lê Thị Bích H 2,5 chỉ (hai chỉ rưỡi) vàng 24K, loại 95%.

Anh Trần Văn Th không yêu cầu bà Nguyễn Thị Th1 trả lại 2,5 chỉ (hai chỉ rưỡi) vàng 24K, loại 95% nên không xem xét trong vụ án này.

5. Về nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

6. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Lê Thị Bích H phải nộp 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được khấu trừ vào 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004060 ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã LM, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị H đã nộp xong án phí và được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Trần Văn Th phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí cấp dưỡng: Anh Trần Văn Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Án phí chia tài sản chung: Chị Lê Thị Bích H và anh Trần Văn Th mỗi người phải chịu 720.000 đồng (bảy trăm hai mươi nghìn đồng). Chị Lê Thị Bích H được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.225.000 đồng (ba triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo lai thu số 0004034, ngày 17/11/2021 của Chi cục thi hành án thị xã LM, tỉnh Hậu Giang. Chị Lê Thị Bích H được nhận lại số tiền 2.505.000 đồng (hai triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng).

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Nguyên đơn, bị đơn, bà Nguyễn Thị Th1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị L, chị Lê Thị Như Ý được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã LM;
- Chi cục THADS TX LM;
- UBND phường TA;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Châu Thanh Quyền